TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 6 - 2021
V/v ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nông Thanh Tùy- Cán hộ hưu trí thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Phạm Xuân Mỹ- Hiệu trưởng trường Dân tộc nội trú huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Lường – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 về việc "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST-HPt ngày 10/6/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Th, sinh năm: 1997.
Địa chỉ: Thôn 10, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Văn Q, sinh năm: 1995.
Địa chỉ: Thôn 6, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Lê Thị Th trình bày*:

Bà Lê Thị Th và ông Lê Văn Q tự do tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến kết hôn năm 2015, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã E, huyện K vào ngày 24/12/2015.

Quá trình chung sống, bà Th và ông Q chung sống không hạnh phúc nên thường xảy ra cãi vã. Nguyên nhân do chưa tìm hiểu nhau kỹ nên khi về chung sống tính cách không hợp nhau, không cùng quan điểm sống. Mặc dù gia đình hai bên đã động viên nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện. Bà Th đã đi làm ăn xa và sống ly thân với ông Lê Văn Q từ năm 2019 đến nay. Nhận thấy không thể quay

lại để tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Lê Thị Th đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn Q.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Th và ông Q có 01 (Một) con chung là: Lê Thị Trúc L, sinh ngày: 19/4/2016.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2021, bà Th có nguyện vọng xin được nhận nuôi cháu Lê Thị Trúc L, sinh ngày: 19/4/2016 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lê Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, bà Th nhận thấy cháu Lê Thị Trúc L hiện đang sinh sống cùng ông Lê Văn Q và ông bà nội tại thôn 6, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Bà Th không muốn làm thay đổi, xáo trộn môi trường sống của cháu L nên có nguyện vọng giao cháu L cho ông Lê Văn Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lê Thị Th đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Th không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Bị đơn ông Lê Văn Q: Trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không tham gia tố tụng nên Tòa án không ghi được lời khai.

Qua xác minh về tình trạng hôn nhân giữa bà Lê Thị Th và ông Lê Văn Q thì chính quyền địa phương cho biết: Về mâu thuẫn của vợ chồng, do bà Lê Thị Th và ông Lê Văn Q không báo cho chính quyền địa phương nên chính quyền địa phương chưa tổ chức hòa giải lần nào nên mâu thuẫn của vợ chồng chính quyền địa phương không biết. Tuy nhiên, từ đầu năm 2019 thì vợ chồng bà Lê Thị Th và ông Lê Văn Q không còn chung sống với nhau, qua tìm hiểu được biết bà Lê Thị Th đi làm ăn xa và không về lại địa phương. Quá trình chung sống có 01 con chung là cháu Lê Thị Trúc L, sinh năm 2016, hiện cháu đang ở với ông Lê Văn Q và ông, bà nội tại địa phương.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành các quy định của Pháp luật.

- Về nội dung: Qua các các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, đề nghị HĐXX Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khản 1 Điều 39 BLTTDS. Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật hôn nhân gia đình cho bà Lê Thị Th được ly hôn với ông Lê Văn Q.

Về con chung: Giao cháu Lê Thị Trúc L, sinh ngày: 19/4/2016 cho ông Lê Văn Q chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc bà Lê Thị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Lê Thị Trúc L với mức 1.490.000 đồng/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Th không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Bà Lê Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với ông Lê Văn Q có nơi cư trú tại thôn 6, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Quan hệ pháp luật cần giải quyết là Ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn ông Lê Văn Q cố tình vắng mặt, tại phiên tòa lần thứ hai ông Lê Văn Q vẫn vắng mặt. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Lê Thị Th với ông Lê Văn Q tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K vào ngày 24 tháng 12 năm 2015. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải, nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay nhưng hai bên không có biện pháp gì khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần động viên bà Lê Thị Th trở lại đoàn tụ với ông Lê Văn Q nhưng không thành. Bà Lê Thị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông Lê Văn Q. Đối với ông Lê Văn Q mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tính vắng mặt. HĐXX xét thấy, tình trạng vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX cần giải quyết cho bà Lê Thị Th được ly hôn với ông Lê Văn Q.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung là cháu Lê Thị Trúc L, sinh ngày: 19/4/2016. HĐXX xét thấy, quá trình giải quyết vụ án ông Lê Văn Q không hợp tác nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Q. Mặt khác qua xác minh tại chính quyền địa phương xác nhận: Cháu L từ khi sinh ra cho đến nay vẫn ở cùng ông Lê Văn Q và ông bà nội tại thôn 6, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, cháu vẫn được chăm sóc đảm bảo. Bà Th đi làm ăn xa không đủ điều kiện thuận lợi cho việc chăm sóc, giáo dục con chung. Đồng thời bà Th không muốn làm thay đổi, xáo

trộn môi trường sống của cháu L và có nguyện vọng giao cháu L cho anh Lê Văn Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu của bà Lê Thị Th để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX cần giao cháu Lê Thị Trúc L cho ông Lê Văn Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lê Thị Th đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Căn cứ Khoản 2 Điều 82, Điều 110, Điều 116 và Điều 117, Điều 118 Luật hôn nhân gia đình thì bà Th phải cấp dưỡng nuôi con chung bằng tháng lương tối thiểu hiện hành 1.490.000đồng/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Th không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[2.5] Về án phí: Bà Lê Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên cần chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Th được ly hôn với ông Lê Văn Q.

- Về con chung: Giao con chung Lê Thị Trúc L, sinh ngày: 19/4/2016 cho ông Lê Văn Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lê Thị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Lê Thị Trúc L theo mức 1.490.000đồng/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Lê Thị Th được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về nợ chung và tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Th phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai số AA/2019/0017802 ngày 18/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi khấu trừ, bà Lê Thị Th phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

3.Thông báo quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- UBND xã E, huyện K;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Thanh Hà